

Số: *1486* /QĐ-UBND

Thái Bình, ngày *02* tháng 5 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính liên thông  
thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các khu kinh tế và  
các khu công nghiệp tỉnh Thái Bình**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Chủ tịch Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Trưởng Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh tại Tờ trình số 60/TTr-BQLKKT ngày 15/5/2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 15 (mười lăm) thủ tục hành chính liên thông thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh Thái Bình, gồm:

- 09 (chín) thủ tục hành chính liên thông cùng cấp;
- 06 (sáu) thủ tục hành chính liên thông giữa các cấp,

*(có Phụ lục kèm theo).*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. */Nguyễn*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh;
- Trung tâm PV HCC tỉnh
- Cổng thông tin điện tử của tỉnh;
- Lưu: VT, NCKSTT. *g*



**Phụ lục**  
**DANH MỤC 15 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN THÔNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA**  
**BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ VÀ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 149/QĐ-UBND ngày 02 tháng 5 năm 2020  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình).

STT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan giải quyết			Quyết định công bố của UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị phối hợp giải quyết
		Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã		
I	TTHC liên thông cùng cấp					
1	Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư).	x			Số 1528/QĐ-UBND ngày 07/6/2019	Sở, ngành có liên quan
2	Quyết định chủ trương đầu tư của Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp.	x				
3	Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh (Đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư).	x				
4	Điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư của Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp.	x				
5	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh.	x				
6	Chuyển nhượng dự án đầu tư (Đối với thủ tục thay đổi nhà đầu tư dự án thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh).	x				
	Chuyển nhượng dự án đầu tư (Đối với thủ tục thay đổi nhà đầu tư dự án thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp).					

7	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư (Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh).	x			Số 1528/QĐ-UBND ngày 07/6/2019	Sở, ngành có liên quan
8	Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư.	x				
9	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài.	x				Văn phòng ĐDBQH, HĐND và UBND tỉnh
<b>II TTHC liên thông giữa các cấp</b>						
1	Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (Đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư).	x			Số 1528/QĐ-UBND ngày 07/6/2019	Bộ, ngành, đơn vị có liên quan
2	Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (Đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư).	x				
3	Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (Đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư).	x				
4	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư (Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ).	x				
5	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ.	x				
6	Chuyển nhượng dự án đầu tư (Đối với thủ tục thay đổi nhà đầu tư dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ).	x				

